

Số: /2025/QĐ-UBND Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Quy định phân công, phân cấp quản lý
hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2011/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 98/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức, bộ máy thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định về Quy định phân công, phân cấp quản lý hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp quản lý hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Đảng ủy các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP,
các PCVP và các VP;
- TT Thông tin, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP4.

DAH_VP4_QĐ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

QUY ĐỊNH

Phân công, phân cấp quản lý hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân công, phân cấp quản lý hoạt động cấp nước tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn và các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế (sau đây gọi là *khu công nghiệp*) trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Chương II PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CẤP NƯỚC

Điều 3. Phân công, phân cấp quản lý hoạt động cấp nước

- Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước đô thị và khu công nghiệp.
- Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước nông thôn.
- Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp, Ban Quản lý khu đại học Nam Cao và khu công nghệ cao phối hợp và tổ chức quản lý hoạt động cấp nước trong phạm vi được giao quản lý.
- Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý hoạt động cấp nước trên địa bàn do mình quản lý (không bao gồm phạm vi được nêu tại khoản 3 Điều này).

Điều 4. Lựa chọn đơn vị cấp nước

- Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước đối với các công trình cấp nước đô thị và khu công nghiệp, công trình cấp nước nông thôn có phạm vi cấp nước liên tỉnh có nhà máy nước hoặc trạm bơm nước trên địa bàn tỉnh, có sự tham gia của các tỉnh liên quan quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 (Nghị định số 144/2025/NĐ-CP).

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước đối với các công trình cấp nước có phạm vi cấp nước liên phường, liên xã có sự tham gia của Ủy ban nhân dân cấp xã trong vùng cấp nước.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước đối với các công trình cấp nước có phạm vi cấp nước trong phạm vi 01 đơn vị hành chính cấp xã.

Điều 5. Ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước

Ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước và phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ (*Nghị định số 140/2025/NĐ-CP*).

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 6. Sở Xây dựng

1. Thực hiện nhiệm vụ Thường trực của Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn cấp tỉnh; thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch cấp nước an toàn và kiểm tra, tổng hợp, báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình cấp nước sạch và tình hình triển khai kế hoạch cấp nước an toàn đến Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 (*Thông tư số 08/2012/TT-BXD*).

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn cấp tỉnh và kiểm tra tình hình thực hiện quy định về bảo đảm cấp nước an toàn đối với các công trình cấp nước sạch đô thị trên địa bàn tỉnh.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn đơn vị cấp nước, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt Kế hoạch phát triển cấp nước theo thẩm quyền tại khu vực đô thị.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra chuyên ngành đối với hoạt động cấp nước của đơn vị cấp nước tại đô thị theo quy định hiện hành.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định phương giá nước sạch tại khu vực đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

6. Phối hợp với Sở Y tế thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về chất lượng nước sinh hoạt tại đô thị và khu công nghiệp.

Điều 7. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm triển khai, kiểm tra, đánh giá việc xây dựng, thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đối với các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh theo quy

định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2022 (*Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT*).

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn đơn vị cấp nước, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt Kế hoạch phát triển cấp nước theo thẩm quyền tại khu vực nông thôn.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chuyển giao các công trình cấp nước tập trung tại các xã, phường trên địa bàn đã được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước cho doanh nghiệp nhà nước hoạt động cấp nước thuộc tỉnh quản lý theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 64 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 và khoản 3 Điều 19 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định phương giá nước sạch tại khu vực nông thôn.

5. Chủ trì, phối hợp chính quyền các địa phương quản lý nguồn thải, các nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước, khu vực khai thác phục vụ sản xuất nước sạch, khoanh lưu vực bảo vệ đảm bảo chất lượng nguồn nước thô; đề xuất biện pháp phòng ngừa các nguy cơ ô nhiễm nguồn nước phục vụ cấp nước.

6. Phối hợp với Sở Y tế thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về chất lượng nước sinh hoạt nông thôn.

7. Tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Xây dựng*) về tình hình cấp nước sạch nông thôn theo quy định.

Điều 8. Sở Y tế

1. Tổ chức kiểm tra chuyên ngành, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan có liên quan kiểm tra hoạt động của các phòng thí nghiệm nước trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn địa phương và các tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo quy định.

Điều 9. Sở Tài chính

1. Tổ chức kiểm tra việc áp dụng giá nước sạch và quản lý tài chính theo thẩm quyền; cho ý kiến bằng văn bản đối với giá nước sạch tại khu vực nông thôn, đô thị và khu công nghiệp.

2. Hàng năm cân đối ngân sách để thực hiện chính sách hỗ trợ, cấp bù giá nước sạch (nếu có); quản lý, chỉ đạo thu nguồn kinh phí đã hỗ trợ cho các đơn vị cấp nước theo quy định.

Điều 10. Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp, Ban Quản lý khu đại học Nam Cao và khu công nghệ cao

1. Chịu trách nhiệm triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn và kiểm tra tình hình thực hiện quy định về bảo đảm cấp nước an toàn đối với các công trình cấp nước sạch tại khu vực thuộc phạm vi quản lý.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn đơn vị cấp nước, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt Kế hoạch phát triển cấp nước theo thẩm quyền tại khu vực được giao quản lý sau khi có ý kiến của Sở Xây dựng.

3. Tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp trong khu vực được giao quản lý sử dụng nước tiết kiệm, bảo vệ hệ thống hạ tầng cấp nước; giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, vướng mắc về dịch vụ cấp nước trong khu vực được giao quản lý.

4. Tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Xây dựng*) về tình hình quản lý cấp nước trong khu vực được giao quản lý theo quy định.

Điều 11. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện các quy định về bảo đảm cấp nước an toàn trên địa bàn do mình quản lý theo các quy định của pháp luật, không để xảy ra tình trạng thiếu nước, mất nước; phối hợp thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn theo nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao và tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn do mình quản lý.

2. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và đơn vị cấp nước xây dựng phương án bảo vệ nguồn nước và an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn quản lý; phối hợp với đơn vị cấp nước tổ chức kiểm tra giám sát nhằm kịp thời phát hiện các hành vi xâm phạm công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước và xử lý theo thẩm quyền.

3. Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân sử dụng nước tiết kiệm và bảo vệ các công trình cấp nước.

4. Định kỳ hàng năm báo cáo các nội dung liên quan về công tác quản lý cấp nước trên địa bàn và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi về Sở Xây dựng (*đối với khu vực đô thị*) và Sở Nông nghiệp và Môi trường (*đối với khu vực nông thôn*) để tổng hợp.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các nội dung liên quan đến thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, kế hoạch phát triển cấp nước và kế hoạch cấp nước an toàn của các đơn vị cấp nước đã được ký kết, phê duyệt đến nay còn thời hạn, hiệu lực thì tiếp tục thực hiện, khi thực hiện mới hoặc điều chỉnh thì thực hiện theo quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối với dự án cấp nước nằm trên phạm vi khu vực đô thị và nông thôn, thực hiện các nội dung liên quan đến thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, kế hoạch phát triển cấp nước và kế hoạch cấp nước an toàn đối với khu vực có công suất cấp nước lớn hơn.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế, các tổ chức có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.